

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
QUÝ IV  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
SỬ PÁN 2**

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV năm 2016

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>52,628,025,032</b>	<b>53,763,536,530</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6,190,896,524</b>	<b>3,596,165,164</b>
1. Tiền	111		6,190,896,524	3,596,165,164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>46,437,128,508</b>	<b>49,428,529,635</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	15,711,026,294	17,630,875,761
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9,653,991,867	8,090,951,398
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21,897,110,347	23,706,702,476
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(825,000,000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	<b>86,890,158</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	86,890,158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>651,951,573</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	526,241,244
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	125,710,329
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV năm 2016

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán Quý IV (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>924,622,323,073</b>	<b>1,033,286,798,341</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>49,815,000</b>	<b>49,815,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49,815,000	49,815,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>860,652,132,904</b>	<b>908,623,709,071</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	860,652,132,904	908,623,709,071
<i>Nguyên giá</i>	222		1,100,013,501,081	1,102,749,774,393
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(239,361,368,177)	(194,126,065,322)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>60,701,329,325</b>	<b>119,459,057,381</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	868,883,043
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	60,701,329,325	118,590,174,338
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,930,590,623</b>	<b>4,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	4,000,000,000	4,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(1,069,409,377)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>288,455,221</b>	<b>1,154,216,889</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	288,455,221	1,154,216,889
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>977,250,348,105</b>	<b>1,087,050,334,871</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH** Quý IV năm 2016

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán Quý IV (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,083,662,870,071</b>	<b>1,137,457,465,473</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>384,880,360,071</b>	<b>426,950,955,473</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	130,123,581,086	146,490,177,378
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	30,081,809,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1,735,333,823	2,428,532,021
4. Phải trả người lao động	314		870,339,860	23,830,572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	211,331,377,767	173,925,892,183
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	8,044,418,814	7,845,588,326
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	32,775,308,721	66,155,125,993
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>698,782,510,000</b>	<b>710,506,510,000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	698,782,510,000	710,506,510,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

M.S.D.



Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV năm 2016

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán Quý IV (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(106.412.521.966)</b>	<b>(50.407.130.602)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>(106.412.521.966)</b>	<b>(50.407.130.602)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		(152.460.000.000)	152.460.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415		(2.521.700.000)	(2.521.700.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(256.350.821.966)	(200.345.430.602)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			(164.944.965.791)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b			(35.400.464.811)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>977.250.348.105</b>	<b>1.087.050.334.871</b>

Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khả Lộc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỨ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV năm 2016  
 Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này Năm nay	Kỳ này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		20,149,911,638	29,521,293,399	124,459,500,466	123,821,113,103
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10					
4. Giá vốn hàng bán	11		20,149,911,638	29,521,293,399	124,459,500,466	123,821,113,103
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		18,893,539,585	20,374,444,830	79,001,148,467	73,529,985,363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,256,372,053	9,146,848,569	45,458,351,999	50,291,127,740
7. Chi phí tài chính	22		7,071,557	4,538,585	46,260,498	12,920,820
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19,667,628,739	19,448,533,215	76,757,238,878	77,526,385,516
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		19,667,628,739	18,794,267,413	75,686,915,303	76,414,814,332
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1,714,922,813	2,432,215,758	7,599,702,709	7,444,791,160
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22)-(25+26))	30		(20,119,107,942)	(12,729,361,819)	(38,852,329,090)	(34,667,128,116)
12. Thu nhập khác	31				43,331,286,727	733,336,695
13. Chi phí khác	32		1,716,165		60,110,050,317	(733,336,695)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,716,165)		(16,778,763,590)	(733,336,695)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(20,120,824,107)	(12,729,361,819)	(55,631,092,680)	(35,400,464,811)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(20,120,824,107)	(12,729,361,819)	(55,631,092,680)	(35,400,464,811)
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61					
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62					
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Lập ngày 19 tháng 01 năm 2017

Trưởng giám đốc





Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV năm 2016  
 Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**( THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP )**  
**QUÝ IV NĂM 2016**

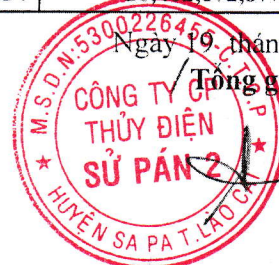
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết	Luỹ kế đến kỳ trước	Kỳ này
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		...		
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ kinh doanh khác	1	...	104.460,815,984	48,148,000,356
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	...	(42,141,226,475)	(27,638,561,903)
Tiền chi trả cho người lao động	3	...	(4,207,988,635)	(3,076,785,342)
Tiền chi trả lãi vay	4	...	(13,375,742,197)	(22,283,400,000)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	...		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	...	22,544,753,510	3,421,542,000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	...	(25,377,086,902)	9,466,112,463
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>41,903,525,285</b>	<b>8,036,907,574</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		...		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	(42,500,000)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	357,272,727	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	14,270,247	7,071,557
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>329,042,974</b>	<b>7,071,557</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		...		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	0	0
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	(25,122,400,000)	(22,216,600,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25,122,400,000)</b>	<b>(22,216,600,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>17,110,168,259</b>	<b>(14,211,976,353)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3,292,704,618</b>	<b>20,402,872,877</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>20,402,872,877</b>	<b>6,190,896,524</b>

Lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất



Ngày 19 tháng 01 năm 2017

Tổng giám đốc

Nguyễn Khả Lộc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: Thôn Hoàng Liên, xã Bán Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất và cung cấp điện thương phẩm

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Cấu trúc Công ty**

###### ***Công ty liên doanh, liên kết***

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên có trụ sở chính tại Bán Dền, xã Bán Hồ, huyện Sa Pa, Tỉnh Lào Cai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và vật liệu xây dựng và nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, công trình trạm biến áp và đường dây. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 60 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 67 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các công nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11/11/2017

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hiểm công trình và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định khác	6

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

20  
T  
P  
A

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### **11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán điện thương phẩm***

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận khi người mua xác nhận sản lượng điện tiêu thụ, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **12. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **13. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **15. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

#### 17. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ IV

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	61.030.211	1.193.259.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.129.866.313	2.402.906.046
<b>Cộng</b>	<b><u>6.190.896.524</u></b>	<b><u>3.596.165.164</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>(1.069.409.377)</b>	<b>4.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên <sup>(i)</sup>	4.000.000.000	(1.069.409.377)	4.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>(1.069.409.377)</b>	<b>4.000.000.000</b>	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên:
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên (hiện nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) là 2.750.000.000 VND.
  - Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty là 1.250.000.000 VND.
- Phần vốn góp của cán bộ công nhân viên là 1.250.000.000 đồng được ủy thác cho Công ty và phản ánh ở chỉ tiêu “Phải trả ngắn hạn khác”.

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Giao dịch với công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty liên kết.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>15.711.026.294</b>	<b>17.630.875.761</b>
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	14.711.026.294	17.630.875.761
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>15.711.026.294</b>	<b>17.630.875.761</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>2.065.821.581</b>	<b>1.865.821.581</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	1.865.821.581
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>7.588.170.286</b>	<b>6.225.129.817</b>
Công ty TNHH Phú Đức	5.889.342.630	4.889.342.630
Các nhà cung cấp khác	1.698.827.656	1.335.787.187
<b>Cộng</b>	<b>9.653.991.867</b>	<b>8.090.951.398</b>

### 5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>21.897.110.347</b>	<b>(825.000.000)</b>	<b>23.706.702.476</b>	-
Tạm ứng	1.217.898.430	(825.000.000)	3.175.231.750	-





## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Sapa về tiền bồi thường	17.565.791.788	-	17.565.791.788	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	2.426.216.365	-	2.426.216.365	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	687.203.764	-	539.462.573	-
<b>Cộng</b>	<b>21.897.110.347</b>	<b>(825.000.000)</b>	<b>23.706.702.476</b>	<b>-</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

#### 6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

##### 6a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí bảo hiểm tài sản còn phải phân bổ.

##### 6b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	729.750.018.562	369.291.491.701	3.229.496.178	478.767.952	1.102.749.774.393
Mua trong kỳ	-	42.500.000	-	-	42.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.445.848.360)	(332.933.952)	(2.778.782.312)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>729.750.018.562</b>	<b>369.333.991.701</b>	<b>783.647.818</b>	<b>145.834.000</b>	<b>1.100.013.492.081</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	78.214.000	78.214.000
Chờ thanh lý					
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	119.324.629.212	71.956.780.423	2.387.735.421	456.920.266	194.126.065.322
Khấu hao trong kỳ	29.309.945.708	18.276.041.847	172.468.676	19.645.946	47.778.102.177
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.209.874.370)	(332.933.952)	(2.542.808.322)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>148.634.574.920</b>	<b>90.232.822.270</b>	<b>350.329.727</b>	<b>143.632.260</b>	<b>239.361.368.177</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	610.425.389.350	297.334.711.278	841.760.757	21.847.686	908.623.709.071
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>581.115.443.642</b>	<b>279.101.169.431</b>	<b>433.318.091</b>	<b>2.201.740</b>	<b>860.652.132.904</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 883.998.499.428 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	5.008.649.482	-	-	-	5.008.649.482
Xây dựng cơ bản dở dang	113.581.524.856	5.403.017.836	(59.766.044.016)	(3.525.818.833)	55.792.679.843
Công trình đường dây 110KV	87.517.588	-	-	-	87.517.588
Dự án Sử Pán 2	47.319.743.480	2.928.526.145	-	(442.691.331)	49.805.678.294
Dự án Sử Pán 1	4.156.053.309	247.810.371	-	(644.354.037)	3.759.509.643
Dự án Làng Sông Đà	-	65.160.158	-	-	65.160.158
Dự án thủy điện Nậm Cùn	60.009.036.579	2.161.421.162	(59.766.044.016)	(2.404.413.725)	-
Dự án thủy điện tại Văn Bàn	2.009.173.900	-	-	(34.359.740)	1.974.814.160
<b>Cộng</b>	<b>118.590.174.338</b>	<b>5.403.017.836</b>	<b>(59.766.044.016)</b>	<b>(3.525.818.833)</b>	<b>60.701.329.325</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>118.085.224.937</b>	<b>128.626.742.812</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.954.686.819	2.195.786.178
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.463.289.775	1.463.289.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	488.323.471	488.323.471
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	25.954.397.450	28.954.397.450
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	66.625.310.422	71.625.310.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	3.286.936.288	3.218.373.288
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	6.737.964.535	8.237.964.535
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	11.206.335.418	11.875.316.934
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	217.980.759	417.980.759
Tổng Công ty Sông Đà	150.000.000	150.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>12.038.356.149</b>	<b>17.863.434.566</b>
Công ty Cổ phần xây dựng Đại Phúc	-	1.168.715.058
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	7.300.543.673	9.300.543.673
Tổng Công ty Thủy điện thủy lợi Bắc Kinh	-	5.406.523.944
Các nhà cung cấp khác	4.737.712.476	1.987.651.891
<b>Cộng</b>	<b>130.123.581.086</b>	<b>146.490.177.378</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	619.470.993	13.337.261.407	(13.679.198.240)	277.537.160
Thuế thu nhập cá nhân	20.121.255	34.481.452	(30.633.148)	23.969.559
Thuế tài nguyên	933.387.537	10.066.000.797	(10.379.686.062)	619.702.272

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	855.552.236	2.695.047.140	(2.766.473.360)	784.126.016
<b>Cộng</b>	<b>2.428.532.021</b>	<b>26.137.790.796</b>	<b>(26.858.990.810)</b>	<b>1.735.33.823</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động thủy điện với mức thuế suất 5%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>211.331.377.767</b>	<b>173.925.892.183</b>
Chi phí lãi vay phải trả	210.870.690.954	173.077.186.378
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	460.686.813	848.705.805
<b>Cộng</b>	<b>211.331.377.767</b>	<b>173.925.892.183</b>

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>948.793.095</b>	<b>931.380.895</b>
Phải trả Tổng Công ty Sông Đà về tiền cung cấp dịch vụ	948.793.095	931.380.895
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>7.095.625.719</b>	<b>6.914.207.431</b>
Phải trả về BHXH, BHYT, BHTN	55.137.718	69.460.421
Kinh phí công đoàn	0	3.466.981
Vốn góp của cán bộ công nhân viên để góp cổ phần vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Quỹ Sông Đà	60.280.029	91.280.029
Phải trả Công ty Bảo hiểm BIC về hỗ trợ khắc phục sự cố năm 2010	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.044418.814</b>	<b>7.845.588.326</b>

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****13a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
-------------------	-------------------



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>28.255.308.721</i>	<i>26.020.125.993</i>
Vay Tổng Công ty Sông Đà	28.255.308.721	26.020.125.993
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>4.520.000.000</i>	<i>40.135.000.000</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.200.000.000	19.690.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.320.000.000	20.445.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.775.308.721</b>	<b>66.155.125.993</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	26.020.125.993	2.235.182.728	-	-	28.255.308.721
Vay dài hạn đến hạn trả	40.135.000.000	-	11.724.000.000	(47.339.000.000)	4.520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>66.155.125.993</b>	<b>2.235.182.728</b>	<b>11.724.000.000</b>	<b>(47.339.000.000)</b>	<b>32.775.308.721</b>

### 13b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>698.782.510.000</i>	<i>710.506.510.000</i>
Vay dài hạn ngân hàng		
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai <sup>(i)</sup>	325.178.200.000	330.674.200.000
Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam <sup>(ii)</sup>	337.712.110.000	343.419.110.000
Nợ thuê tài chính		
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(iii)</sup>	35.892.200.000	36.413.200.000
<b>Cộng</b>	<b>698.782.510.000</b>	<b>710.506.510.000</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17 tháng 5 năm 2013. Tổng số tiền vay tối đa là 813.817.430.279 VND, thời hạn là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản của Dự án thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai) và cùng Quyền sử dụng đất tại Dự án thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

(ii) Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội ứng trước tiền theo hợp đồng cho thuê tài chính số 08 – 2879 – 03332/HĐCTTC ngày 30 tháng 09 năm 2008. Máy móc thiết bị sẽ được Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà -

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoàng Liên trực tiếp nhập khẩu theo hợp đồng số 01/2008/SĐHL-IWHR ngày 12 tháng 5 năm 2008 ký giữa Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Liên và Công ty Thủy điện Thủy lợi Bắc Kinh. Theo Phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 12 năm 2012 thì tổng số tiền đầu tư tài sản thuê tài chính là 44.442.884.743 VND. Hiện tại, hai bên chưa ký kết kế hoạch trả nợ đối với khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	703.996.310.000	41.106.000.000	242.096.000.000	420.794.310.000
Nợ thuê tài chính	35.892.200.000	-	35.892.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>739.888.510.000</b>	<b>41.106.000.000</b>	<b>277.988.200.000</b>	<b>420.794.310.000</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	714.228.310.000	40.135.000.000	197.584.000.000	476.509.310.000
Nợ thuê tài chính	36.413.200.000	-	36.413.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>750.641.510.000</b>	<b>40.135.000.000</b>	<b>233.997.200.000</b>	<b>476.509.310.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	674.093.310.000	-	(11.203.000.000)	662.890.310.000
Nợ thuê tài chính	36.413.200.000	(521.000.000)	-	35.892.200.000
<b>Cộng</b>	<b>710.506.510.000</b>	<b>(521.000.000)</b>	<b>(11.203.000.000)</b>	<b>698.782.510.000</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### 14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(164.944.965.791)	(15.006.665.791)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(31.990.698.054)	(31.990.698.054)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>152.460.000.000</b>	<b>(2.521.700.000)</b>	<b>(196.935.663.845)</b>	<b>(46.997.363.845)</b>
Số dư đầu năm nay	152.460.000.000	(2.521.700.000)	(200.345.430.602)	(50.407.130.602)
Lợi nhuận kỳ này	-	-	(55.631.092.680)	(55.631.092.680)
Giảm khác	-	-	(374.298.684)	(374.298.684)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>152.460.000.000</b>	<b>(2.521.700.000)</b>	<b>(256.350.821.966)</b>	<b>(106.412.521.966)</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 6 năm 2016, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 420.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, các cổ đông đã góp là 152.460.000.000 VND. Số vốn còn phải góp là 267.540.000.000 VND.

#### 14b. Cổ phiếu

Số cuối kỳ

Số đầu năm



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Địa chỉ: thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	42.000.000	42.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.246.000	15.246.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.246.000	15.246.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	205.000	205.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	205.000	205.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.041.000	15.041.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.041.000	15.041.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu bán điện thương phẩm cho Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

#### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp trong năm.

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.341.804	4.538.585
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.918.694	-
<b>Cộng</b>	<b>46.260.498</b>	<b>4.538.585</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	76.757.238.878	77.526.385.516
<b>Cộng</b>	<b>76.757.238.878</b>	<b>77.526.385.516</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	7599.702.709	7.444.791.160

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b>43.331.286.727</b>	-

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	36.642.587	723.336.695
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm	50.197.418	-
Chi phí dự án Nậm Cùn bị thanh lý	59.766.044.016	-
Chi phí khác	256.066.296	10.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.110.050.317</b>	<b>733.336.695</b>

**8. Lãi trên cổ phiếu***Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu***8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(55.631.092.680)	(35.400.464.811)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(55.631.092.680)	(35.400.464.811)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.041.000	15.041.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(2.360)</b>	<b>(2.128)</b>

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.041.000	15.041.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>15.041.000</b>	<b>15.041.000</b>

Sa Pa, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kim Văn Sỹ

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Nhất

Phó tổng Giám đốc



Nguyễn Khả Lộ